

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 22 đến 31/7/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa khu vực miền núi phía Bắc: phổ biến từ 100-200mm, có nơi trên 200mm; riêng Bắc Quang (Hà Giang: 717mm).
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao có dao động. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 39%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 2%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn TBNN 19%. + Trên sông Hồng: Lưu lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều (Hồ Hòa Bình vẫn duy trì 01 cửa xả đáy). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 10%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: 100-250mm; có nơi trên 350mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao có dao động. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 44%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang có dao động, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 54%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 10%. + Trên sông Hồng: Lưu lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ dao động theo ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều (Hồ Hòa Bình vẫn duy trì 01 cửa xả đáy). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-30mm, riêng vùng núi và trung du từ 40-80mm,

có nơi trên 90mm như: Chợ Rã (Thái Nguyên) 92.1mm, Ngân Sơn (Thái Nguyên) 97.4mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tăng trong thời kỳ đầu, sau giảm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 29%.

+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tại trạm thủy văn Chũ có xu thế giảm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 78%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-200mm, có nơi trên 300mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 72%.

+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy có dao động; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 35%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: Khu vực phổ biến ít mưa.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy tương đương TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 66%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 68%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 88%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 247%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-60mm, có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Mã tăng hơn so với tuần trước, các sông khác trong khu vực ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy tương

đương TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 69%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 68%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 89%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 176%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 4%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 73%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 42%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 79%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 90%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 40-80mm, có nơi trên 150mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn và sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 77% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 39% so với TBNN.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 200mm như: EaKmat

(Đắc Lắc) 241.0mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla có xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với tuần trước; sông Krông Ana lưu lượng dòng chảy ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 61%.

- Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tăng nhanh trong 5 ngày đầu, sau giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 80-150mm, có nơi trên 300mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 67%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long giảm trong 5 ngày đầu, sau biến đổi chậm: trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng thấp hơn TBNN 5%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 30%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/08/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

S

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/07/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBN N (%)	Dự báo											
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Ngày 10	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	111.4	<25	8.6	22	25.5	10.9	9.2	15.4	10.4	6	22.3	2.2	132.5	>11
	Sơn La	68.2	<5	12.6	17.5	12.4	11.1	8.6	13.1	5.4	4.6	9	1.2	95.5	>11
	Hòa Bình	0.7	<99	6.8	35	25	1	2.6	11.1	6.3	1.5	3	1.6	93.9	<21
	Lào Cai	62.8	<2	3.2	30	23	7.5	2.3	14.3	11.5	2.4	4	0.6	98.8	<0
	Yên Bái	31.4	<52	12.9	17	28.7	0.7	0.1	24.7	13.3	6.5	9.5	0.8	114.2	<15
	Tuyên Quang	70.5	>18	9.9	30	45	1.1	7.4	37.3	22.2	10.4	12.7	2.4	178.4	>59
	Hà Giang	70.6	<39	2.8	25	30	1.4	1.8	6.3	14.6	13.8	5	0.4	101.1	<38
	Láng	10.7	<87	12.5	12.5	16.7	1	0.8	19.7	7.4	4.1	2.4	1.3	78.4	<16
	Thái Bình	26.6	<51	3.6	15.4	13	1.2	1.7	11.3	2.8	1.8	5.7	0.6	57.1	<38
	Nam Định	0	<100	6.1	15	20	1.1	1.4	11.7	8.5	3.3	4.2	0.4	71.7	<23
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Kạn	33	<50	13.5	19	23.4	0.7	9.5	27	31.6	10.9	11	1.5	148.1	>57
	Thái Nguyên	12.4	<85	7.7	21.5	30	0.6	2.6	37.2	9.2	5.5	4.7	1.7	120.7	<2
	Bắc Ninh	2.5	<96	18.1	7.1	8.2	1.4	1	22.2	3.9	2.6	4.4	1.3	70.2	<16
	Lạng Sơn	37.8	<29	7.9	25	40	1.3	0.2	20	3.6	3.2	2.3	2.2	105.7	>33
	Bắc Giang	1.6	<97	16.6	23.5	10.9	1.4	2.1	30.7	4.4	2.8	2.7	2.2	97.3	>8

	Hải Dương	34.8	<38	12.9	14.5	5.9	2	0.2	21	7	1.7	1.9	0.9	68	<24
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	0	<100	2.6	8.6	10.4	2.5	1.3	3.7	5.5	6.8	4	3	48.4	<54
	Bái Thượng	0.3	<99	0	12.2	9.5	0.4	1.8	5	5.4	3	6.4	1	44.7	<55
	Thanh Hóa	9.7	<79	0	14	8.7	0.8	0.9	7.9	5.1	3.6	3.8	0.7	45.5	<47
	Quỳ Châu	0	<100	0.7	4.1	12.3	6.7	3.7	6.1	12	8.4	4.8	1.9	60.7	<36
	Tương Dương	0.1	<100	0.1	2.5	6.4	9.7	1	7.2	4.2	8.3	5.1	4.1	48.6	<23
	Đô Lương	0	<100	0.6	3.9	8.1	7.5	2.2	3.7	12	4.2	3.1	0.8	46.1	<30
	Vinh	1.2	<97	0.8	1.9	12.5	3.1	0.8	3.2	7.9	3.9	3.6	3.1	40.8	<33
	Hương Sơn	1.8	<97	0.2	6.3	9.3	5	0.9	4.8	4.6	2.9	1.1	1.3	36.4	<41
	Hương Khê	21	<53	2.1	3.8	3.1	3.2	0.5	4.4	4.5	4.4	4.7	0.1	30.8	<58
	Hà Tĩnh	0.4	<99	0.4	4.7	4.8	2.7	0.8	3.7	1.3	2.5	6.7	1.5	29.1	<46
	Đồng Hới	0	<100	0.8	2	5.6	3.1	0.8	1.7	4.8	3.5	6.1	0.4	28.8	<13
	Quảng Trị	2.3	<84	0.2	0.2	3.3	2.7	0.5	7.3	5.7	6.3	7.7	1.3	35.2	<23
	Nam Đông	0	<100	3.1	1.9	8.4	4.2	2.6	3.1	4	21.8	16.4	2	67.5	>26
	Huế	0	<100	3.6	1.8	5.6	2.7	3.2	4.7	7.8	30.8	17.4	1.3	78.9	>118

Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	0	<100	1.8	1.8	1.7	2.1	0.6	1.4	4.2	5.3	6.2	2.4	27.5	<25
	Trà My	0	<100	4.4	3.6	9.7	4.8	4.9	8	10.8	16.4	16.5	6	85.1	>68
	Ba Tơ	0	<100	2.3	3.9	5.8	5.1	4.9	6.9	20.8	12.7	4.7	5.3	72.4	>76
	Quảng Ngãi	0	<100	2.3	1.7	2.4	12	6	8	14.5	9	13.5	2.4	71.8	>155
	Quy Nhơn	4.7	<14	12.5	4.8	8.3	13.3	8.8	11.1	18.9	13.6	4.2	2.8	98.3	>499
	An Khê	2.3	<85	3	3.2	9.1	10.5	7	10.5	21.7	4.3	2.7	0.5	72.5	>35
	Tuy Hòa	0.2	<98	4.6	3.5	9.4	6.3	5.2	16.1	19.1	29.9	4.9	3.6	102.6	>481
	Nha Trang	0	<100	9.1	13.8	8	7.4	10.3	9.5	24.1	34.6	10.9	7.2	134.9	>713
Lưu vực sông Mê Kông	Kon Tum	38.3	<44	11.9	7.8	1.5	7.1	14.4	25.1	18.2	18.6	7.2	1	112.8	<5
	Lắk	3.6	<94	5.9	6.8	9.5	6.3	11.8	14.8	16.8	7.1	1	1.1	81.1	>4
	Buôn Mê Thuột	12.6	<71	8	6.4	8.5	5.1	9.6	8.9	25.1	13.9	3.3	3.1	91.9	>23
	Biên Hòa	4.6	<92	1.4	11.1	11.1	7.9	21.8	21.5	14.8	26.6	15.1	9.4	140.7	>70
	Cần Thơ	4.8	<90	0.3	15.1	3.2	19.8	24.7	21.4	26.8	24.1	12.3	10.4	158.1	>111

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/07/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 15/06 đến 21/06	So sánh TBNN (%)	Dự báo											
				22/06	23/06	24/06	25/06	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06		Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	391	<39	39.5	42.4	52.0	58.9	62.5	66.1	69.9	73.8	73.8	73.8	613	<44
Lô	Tuyên Quang	532	>30	95	134	147	130	121	117	104	99	91	86	1123	>78
Đà	Hồ Hòa Bình	2455	>19	311	315	337	363	333	315	333	372	389	346	3412	>10
Hồng	Hà Nội	2597	>10	352	362	372	382	392	403	408	413	418	413	3918	>4
Cầu	Gia Bảy	84.5	>29	10.1	11.0	11.8	15.8	22.7	18.1	22.7	30.5	35.9	22.7	201	>72
Lục Nam	Chũ	11.9	<78	1.2	1.3	10.9	9.7	8.6	7.6	6.7	7.6	8.6	9.6	71.8	<35
Mã	Cầm Thủy	381	~ TBNN	55.8	65.6	78.8	85.3	77.5	67.0	65.6	57.1	52.5	51.2	656	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	120	<66	15.2	17.8	21.4	23.2	21.1	18.2	17.8	15.5	14.3	13.9	179	<69
La	Hòa Duyệt	13.3	<68	1.8	2.1	2.5	2.8	2.5	2.2	2.1	1.8	1.7	1.6	21.6	<68
Tả Trách	Thượng Nhật	11.4	>247	1.2	1.4	1.7	1.5	1.6	1.6	1.3	1.4	1.6	1.7	15.0	>176
Thu Bồn	Nông Sơn	50.1	~ TBNN	6.8	7.0	7.1	7.3	7.5	7.4	7.6	7.8	7.5	7.4	73.4	~ TBNN
Trà Khúc	Sơn Giang	37.7	<5	6.2	6.5	6.7	6.2	6.5	5.9	5.7	5.4	5.4	5.0	59.5	~ TBNN
Ba	Củng Sơn	17.5	<73	3.0	2.8	2.7	2.6	2.9	2.8	1.7	2.5	2.7	2.8	26.9	<77
Cái NT	Đồng Trăng	9.7	<42	1.2	1.2	1.3	1.3	1.4	1.7	1.5	1.4	1.3	1.3	14.1	<39
ĐăkBlá	Kon Tum	11.0	<77	1	1.3	1.2	1.3	1.4	1.6	1.7	1.8	1.9	1.8	15.6	<80
Srêpôk	Giang Sơn	12.39	<61	1.56	1.49	1.4	1.37	1.44	1.6	1.91	2.06	2.2	2.45	17.5	<67
Tiền	Tân Châu			1302	1276	1250	1233	1215	1198.0	1189	1181	1185	1189	12217	~ TBNN
Hậu	Châu Đốc			199	190	181	177	173	168.0	164	160	164	168	1747	<30